

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch năm 2025 cho
Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về việc giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ Quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính và các chế độ tài chính, kế toán hiện hành;

Căn cứ Thông tư 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 Ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/4/2025 Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt các định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định; Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 05/11/2024 của UBND tỉnh về việc phê

duyet khối lượng công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2964/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 2728/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2025 cho Sở Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản; Văn bản số 667/UBND-VP8 ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh Nam Định về việc đồng ý báo cáo xác định Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của người lao động và Ban điều hành Công ty TNHH MTV KTCTTL Vụ Bản;

Theo đề nghị của công ty TNHH một thành viên KTCTTL Vụ Bản tại tờ trình số 46/TTr-CT ngày 24/06/2025 ngày 24/6/2025, Sở Tài chính tại Tờ trình số 3557/TTr-STC ngày 27/6/2025 về việc giao kế hoạch năm 2025 cho Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch năm 2025 cho Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản, với các chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025
I	Kế hoạch cấp nước, tưới nước, tiêu nước	ha	25.785,99
1	Diện tích lúa	ha	17.273,06
2	Mạ, rau, màu, cây CN ngắn ngày	ha	1.933,73
3	Cây vụ Đông	ha	950
4	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	852,11
5	Cây CN dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu	ha	0
6	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị	ha	4.777,09
7	Diện tích không được hỗ trợ phải thu	ha	0
II	Kế hoạch tài chính		
1	Hoạt động công ích		
a	Doanh thu	1000đ	27.628.629

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025
-	Doanh thu từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm nay	1000đ	27.628.629
-	Doanh thu từ diện tích không được hỗ trợ phải thu	1000đ	0
-	Doanh thu từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm trước	1000đ	0
b	Chi phí	1000đ	27.483.629
-	Chi phí vật tư trực tiếp	1000đ	2.564.770
-	Chi phí nhân công trực tiếp	1000đ	9.824.633
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định	1000đ	1.190.912
-	Chi phí sản xuất chung	1000đ	2.188.239
-	Chi phí hợp lý, hợp lệ khác theo quy định phục vụ sản xuất	1000đ	5.925.434
-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1000đ	5.789.641
2	Hoạt động khác		
a	Doanh thu	1000đ	188.000
-	Doanh thu từ hoạt động tài chính	1000đ	150.000
-	Doanh thu khác	1000đ	38.000
b	Chi phí	1000đ	18.000
-	Chi phí hoạt động tài chính	1000đ	0
-	Chi phí khác	1000đ	18.000
III	Cân đối thu chi	1000 đ	315.000
1	Lãi, lỗ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	1000 đ	145.000
2	Lãi, lỗ từ hoạt động khác	1000 đ	170.000
IV	Lợi nhuận sau thuế	1000 đ	252.000
V	Kế hoạch ngân sách hỗ trợ	1000 đ	27.628.629
1	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	1000 đ	27.628.629

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025
2	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thiếu năm trước	1000 đ	0
3	Đề nghị NS cấp đầu tư XDCB các dự án	1000 đ	0
4	Cấp kinh phí chống hạn	1000 đ	0
5	Cấp bổ sung vốn điều lệ	1000 đ	0
VI	Kế hoạch ngân sách	1000 đ	134.045
1	Tiền thuê đất	1000 đ	65.000
2	Thuế GTGT	1000 đ	3.045
3	Thuế TNDN, môn bài, thuế khác	1000 đ	66.000
VII	Vốn chủ sở hữu	1000 đ	523.131.201

(Doanh thu từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi năm 2025 tạm tính theo đơn giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 tại Quyết định số 2964/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định; sẽ điều chỉnh khi có sự thay đổi về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025).

Điều 2. Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản có trách nhiệm chủ động triển khai thực hiện kế hoạch năm 2025 theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP1, VP6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng